

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 5 - 2023

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Xuân Bộ**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Anh Tú** – Bí thư huyện đoàn huyện
Thanh Thủy

Ông **Phạm Văn Chung** – Phó chủ tịch liên đoàn lao
động huyện Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh**- Thư ký Toà án nhân
dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
tham gia phiên tòa:** Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện
Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
195/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và
gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ
ngày 03 tháng 4 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-
HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số
12/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang L**, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn
chị Nguyễn Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang L ngày
13/01/2011, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã BY,
huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, tình cảm thời gian đầu hòa

thuận, đến ngày 20/5/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên rượu chè, cờ bạc lại có hành vi bạo lực gia đình đối với chị, đánh đập chị phải nhập viện; từ ngày 01/9/2022 anh chị đã sống ly thân, chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Quang L.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 03/5/2012 và cháu Nguyễn Phương L2, sinh ngày 03/5/2015. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu và tôn trọng quyền lựa chọn của các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 03/5/2012 và cháu Nguyễn Phương L2, sinh ngày 03/5/2015. Chị không cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

Bị đơn anh Nguyễn Quang L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N ngày 13/01/2011, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ anh tại khu 3, xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 03/5/2012 và cháu Nguyễn Phương L2, sinh ngày 03/5/2015. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Long và Linh. Đồng thời không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã BY xác định: Vợ chồng anh L và chị N có hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị N địa phương có nắm được do giữa năm 2022, chị N đã về nhà ngoại sinh sống. Nay chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

****Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- ***Về nội dung vụ án:*** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang L.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 03/5/2012 và cháu Nguyễn Phương L2, sinh ngày 03/5/2015.

Giao cháu Nguyễn Bảo L1 và cháu Nguyễn Phương L2 cho anh Nguyễn Quang L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Long và cháu Linh thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị N và anh L đều xác định không có.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh L về việc thụ lý vụ án và tham gia phiên hòa giải nhưng anh L không đến Toà để làm việc, vắng mặt không có lý do, mặc dù anh L vẫn sinh sống và làm việc tại địa phương. Chị N có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, căn cứ quy định tại Khoản 1, 4 Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh L vào ngày 13/01/2011. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn, anh Nguyễn Quang L đồng ý ly hôn, vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang L.

[2] Về con chung: Chị N và anh L đều xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 03/5/2012 và cháu Nguyễn Phương L2, sinh ngày 03/5/2015.

Sau khi ly hôn, chị N đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng 2 con. Chị không cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

Anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu kể từ khi chấp dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi 2 cháu thành niên và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Tòa án tiến hành xem xét điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị N và anh L thấy anh L mặc dù là lao động tự do nhưng có thu nhập ổn định, về điều kiện ăn ở cũng như điều kiện chăm sóc con đều đảm bảo. Chị N cũng có nguyện vọng để anh L trực tiếp nuôi dưỡng 2 cháu.

Vì vậy cần giao cháu Nguyễn Bảo L1 và cháu Nguyễn Phương L2 cho anh Nguyễn Quang L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[3]Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh chị đều xác định không có.

[4]Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang L.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 03/5/2012 và cháu Nguyễn Phương L2, sinh ngày 03/5/2015 cho anh Nguyễn Quang L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 5/2023 cho tới khi cháu Long và cháu Linh thành niên.

Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L do anh L không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006116 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại chị N 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã BY (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Xuân Bộ